

SỰ THỊNH VƯỢNG
CỦA CÁC QUỐC GIA

THE WEALTH OF NATIONS

Tác giả: Adam Smith (1723 - 1790)

Công bố lần đầu năm 1776

Tác phẩm thuộc về công chúng

SỰ THỊNH VƯỢNG CỦA CÁC QUỐC GIA

Bản dịch tiếng Việt © Công ty Cổ phần Sách Omega Việt Nam

Công ty Cổ phần Sách Omega Việt Nam xuất bản, bìa cứng áo om, 2025

Thiết kế và trình bày: Công ty Cổ phần Sách Omega Việt Nam

Công ty Cổ phần Sách Omega Việt Nam – thành viên của Alpha Publishing Group.

CÔNG TY CP SÁCH OMEGA VIỆT NAM (OMEGA PLUS) thành lập tháng 9/2016 với định hướng xuất bản tri thức nền tảng trong lĩnh vực Khoa học Nhân văn, Khoa học Tự nhiên, Chính trị - Xã hội, Triết học, Nghệ thuật... Đến nay, chúng tôi đã xuất bản gần 500 đầu sách thuộc 7 tủ sách, bao gồm: Kinh điển, Sử Việt, Khoa học, Nhân vật Vĩ đại, Nghệ thuật, Tủ sách Đời người, và Tủ sách Y sinh (Medinsights). Thông qua việc xuất bản các ấn phẩm có giá trị, mang hàm lượng tri thức cao, qua các hoạt động nhằm đưa tri thức hữu ích đến cộng đồng; Omega Plus mong muốn đóng góp theo cách riêng vào sự phát triển đang ngày càng mạnh mẽ của xã hội.

Không phần nào thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Sách Omega Việt Nam và được chủ sở hữu nhượng quyền trong xuất bản phẩm này được phép sao chép, lưu trữ trong hệ thống truy xuất hoặc truyền đi dưới bất kỳ hình thức nào hoặc bằng bất kỳ phương tiện nào gồm điện tử, cơ khí, sao chụp, ghi âm hoặc mọi hình thức và phương tiện khác mà không có sự cho phép trước bằng văn bản của Công ty Cổ phần Sách Omega Việt Nam. Chúng tôi luôn mong muốn nhận được những ý kiến đóng góp của quý vị độc giả để sách ngày càng hoàn thiện hơn.

Biên mục trên xuất bản phẩm của Thư viện Quốc gia Việt Nam

Smith, Adam

Sự thịnh vượng của các quốc gia / Adam Smith ; Dịch: Nguyễn Hoàng Giang... - H. : Thế giới ; Công ty Sách Omega Việt Nam, 2025. - 1080 tr. ; 24 cm

ISBN 978-632-604-303-7

1. Kinh tế học cổ điển 2. Tư tưởng kinh tế

330.153 - dc23

TGF0663p-CIP

Góp ý về sách, liên hệ về bản thảo và bản dịch: info@omegaplus.vn

Liên hệ ebooks, hợp tác xuất bản & truyền thông trên sách: truyenthong@omegaplus.vn

Liên hệ dịch vụ bản quyền, xuất bản, ký gửi và phát hành: dichvu@omegaplus.vn

ADAM SMITH

THE WEALTH OF NATIONS

SỰ THỊNH VƯỢNG
CỦA CÁC QUỐC GIA

Vũ Thành TỰ Anh *giới thiệu*

Nguyễn Hoàng Giang, Minh An, Phan Thị Thanh Huyền *dịch*

⊕ MEGA⁺



NHÀ XUẤT BẢN
THẾ GIỚI

ĐỘI NGŨ TRIỂN KHAI OMEGA+

Phụ trách xuất bản: Trần Hoài Phương

Phụ trách bản quyền: Kim Ngân

Điều phối sản xuất: Nguyễn Hương - Vũ Dung

Biên tập viên: Duy Anh

Thiết kế bìa: Hoàng Duy Khánh

Trình bày: Vũ Lê Thư

Thư ký xuất bản: Giang Vũ - Huyền Bùi

ĐƠN VỊ HỢP TÁC TRUYỀN THÔNG



<https://www.facebook.com/tramdoc.vn/>

website: <http://tramdoc.vn/>

Mục lục

Lời thưa..... 9

Lời giới thiệu.....11

Dẫn nhập và đề cương tác phẩm..... 28

QUYỂN I

**VỀ CÁC NGUYÊN NHÂN CẢI THIẾN NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG
VÀ TRẬT TỰ PHÂN PHỐI SẢN PHẨM LAO ĐỘNG MỘT CÁCH TỰ NHIÊN
CHO CÁC TẦNG LỚP NGƯỜI DÂN**

Chương I Về phân công lao động32

Chương II Về nguyên tắc dẫn đến phân công lao động42

Chương III Về việc công lao động bị giới hạn
bởi quy mô thị trường47

Chương IV Về nguồn gốc và công dụng của tiền.....52

Chương V Về giá thực và giá danh nghĩa của hàng hóa,
hay giá tính theo sức lao động và giá tính bằng tiền.....59

Chương VI Về những bộ phận cấu thành giá hàng hóa77

Chương VII Về giá tự nhiên và giá thị trường của hàng hóa85

Chương VIII Về tiền công lao động95

Chương IX Về lợi nhuận của vốn..... 120

Chương X Về tiền công và lợi nhuận trong các ngành nghề
sử dụng sức lao động và vốn.....132

Chương XI Về địa tô.....182

QUYỂN II

VỀ BẢN CHẤT, QUÁ TRÌNH TÍCH LŨY VÀ VIỆC SỬ DỤNG VỐN

Giới thiệu.....	306
Chương I Về sự phân chia vốn.....	309
Chương II Về khoản tiền được xem như một phần đặc biệt trong tổng vốn của xã hội, hoặc là về chi phí để duy trì tư bản của quốc gia.....	318
Chương III Về tích lũy tư bản, hay về lao động sản xuất và phi sản xuất.....	373
Chương IV Về vốn cho vay lấy lãi.....	396
Chương V Về các cách sử dụng tư bản.....	406

QUYỂN III

VỀ TIẾN TRÌNH KHÁC NHAU CỦA SỰ GIÀU CÓ Ở CÁC QUỐC GIA KHÁC NHAU

Chương I Về tiến trình tự nhiên của sự giàu có.....	426
Chương II Về nền nông nghiệp trì trệ ở châu Âu cổ đại sau khi Đế quốc La Mã sụp đổ.....	432
Chương III Về sự trỗi dậy và phát triển của các thành thị sau khi Đế quốc La Mã sụp đổ.....	446
Chương IV Hoạt động thương mại của thành thị đã góp phần phát triển nông thôn như thế nào.....	459

QUYỂN IV

VỀ CÁC HỆ THỐNG KINH TẾ CHÍNH TRỊ

Giới thiệu.....	474
Chương I Về nguyên tắc của hệ thống trọng thương.....	475
Chương II Về những hạn chế với việc nhập khẩu hàng hóa có thể sản xuất trong nước.....	501

Chương III	Về những hạn chế đặc biệt đối với việc nhập khẩu hàng hóa từ các nước mà với đó cán cân thương mại được coi là bất lợi.....	524
Chương IV	Về hoàn thuế.....	554
Chương V	Tiền thưởng.....	560
Chương VI	Về các hiệp ước thương mại.....	605
Chương VII	Thuộc địa	618
Chương VIII	Kết luận về hệ thống trọng thương.....	721
Chương IX	Về các hệ thống trọng nông hay những hệ thống kinh tế chính trị coi sản phẩm từ đất đai là nguồn cung cấp duy nhất và chính yếu mang lại thu nhập và của cải cho mọi quốc gia.....	744
Phụ lục.....		774

QUYỂN V

VỀ THU NHẬP CỦA NHÀ CẦM QUYỀN HAY NHÀ NƯỚC

Chương I	Về chi tiêu của nhà cầm quyền hay nhà nước	778
Chương II	Về các nguồn thu nhập chung của xã hội	916
Chương III	Về nợ công.....	1022
Mục từ tra cứu.....		1070

Lời thưa

Sự thịnh vượng của các quốc gia của Adam Smith, xuất bản lần đầu vào năm 1776, được coi là một tác phẩm kinh điển, là nền móng cho kinh tế học hiện đại.

Kể từ khi xuất bản lần đầu tiên, tác phẩm đã trải qua nhiều lần tái bản và chỉnh sửa. Bản dịch này được thực hiện dựa trên ấn bản *An Inquiry into the Nature and Causes of the Wealth of Nations* năm 1789, là lần tái bản thứ năm, cũng là lần cuối cùng tác phẩm được tái bản khi Adam Smith còn sống. Một số ấn bản và bản dịch hiện đại của cuốn sách được thực hiện dựa trên ấn bản này, chẳng hạn như ấn bản tiếng Anh do Edwin Cannan biên tập (1904) – là cơ sở cho nhiều ấn bản hiện đại khác sau này – và bản tiếng Đức do Horst Claus Recktenwald dịch và biên tập (1974). Việc dựa vào ấn bản này giúp độc giả Việt Nam tiếp cận một văn bản có độ tin cậy cao và mang giá trị học thuật trọn vẹn.

Dịch một tác phẩm như *Sự thịnh vượng của các quốc gia* là một thử thách lớn, đòi hỏi không chỉ năng lực ngôn ngữ mà cả kiến thức về lịch sử, kinh tế, chính trị và pháp luật thế kỷ 18. Văn phong của Adam Smith đặc trưng bởi những câu dài, nhiều mệnh đề phụ, cấu trúc phức tạp, các ví dụ minh họa chi tiết, cùng hệ từ vựng kinh tế, thương mại và pháp lý đương thời, đòi hỏi người dịch phải tìm hiểu kỹ để tránh dịch sai hoặc đơn giản hóa quá mức. Quá trình dịch và biên tập bao gồm các bước: dịch bám sát nguyên tác; rà soát – thống nhất thuật ngữ và kiểm tra, chỉnh sửa ngữ pháp – ngữ nghĩa. Quyển I do Dịch giả Minh An chuyển ngữ; Quyển II do TS Phan Thị Thanh Huyền chuyển ngữ; bản dịch Quyển III và Quyển V là của TS Nguyễn Hoàng Giang; riêng Quyển IV là kết quả của sự hợp tác giữa TS Nguyễn Hoàng Giang và TS Phan Thị Thanh Huyền. Về tổng thể, bản dịch tuân thủ nguyên tắc bám sát nguyên tác, nhưng cũng chú ý đến khả năng tiếp nhận của độc giả hiện đại, cụ thể: Các khái niệm then chốt được dịch thống nhất và

phù hợp với bối cảnh hiện đại; với những thuật ngữ chưa có bản dịch chuẩn hoặc dễ gây tranh cãi, bản dịch cung cấp từ gốc tiếng Anh; các câu dài trong nguyên tác được giữ nguyên cấu trúc khi có thể, nhưng đôi khi được phân chia lại để người đọc dễ tiếp cận hơn.

Mặc dù đã nỗ lực hết sức trong quá trình dịch và biên tập, chúng tôi biết rằng khó có thể tránh sai sót. Nhiều khái niệm kinh tế, chính trị và pháp luật mà Adam Smith sử dụng đã dịch chuyển về nghĩa và bối cảnh theo thời gian; trong những trường hợp như vậy, mỗi lựa chọn dịch thuật đòi hỏi sự cân nhắc cẩn trọng, đồng thời không thể loại trừ yếu tố chủ quan và có thể khác biệt so với cách hiểu của một số học giả hay dịch giả khác. Vì thế, chúng tôi trân trọng đón nhận mọi ý kiến đóng góp từ giới nghiên cứu, giảng dạy và bạn đọc, coi đó là nguồn tư liệu quý giá để mỗi lần tái bản tiếp theo tiến gần hơn đến việc truyền tải trọn vẹn tinh thần, lập luận sắc sảo và chiều sâu tư tưởng mà thông qua tác phẩm Adam Smith đã để lại cho nhân loại.

Để hoàn thành bản dịch quan trọng này, chúng tôi đã nhận được nhiều sự hỗ trợ và đóng góp quý báu. Chúng tôi xin chân thành cảm ơn TS Vũ Thành Tự Anh, TS Trần Quốc Hùng, TS Nguyễn Đức Thành cùng nhiều cá nhân khác. Những góp ý học thuật xác đáng, cùng sự hỗ trợ tận tâm của họ, không chỉ góp phần nâng cao chất lượng bản dịch mà còn tiếp thêm động lực để chúng tôi kiên trì hoàn thiện dự án này.

Chúng tôi mong rằng ấn bản tiếng Việt cuốn sách *Sự thịnh vượng của các quốc gia* sẽ trở thành nguồn tham khảo giá trị cho sinh viên, giảng viên, các nhà nghiên cứu kinh tế, cũng như những độc giả quan tâm đến các nền tảng kinh tế – chính trị của thế giới hiện đại. Bởi lẽ, đọc Adam Smith cũng chính là đọc lại cả một lịch sử tư tưởng kinh tế và chính trị của nhân loại – một hành trình mà mỗi thế hệ đều tìm thấy cho mình những câu hỏi, câu trả lời và cả những thách thức mới.

Tháng 8 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH OMEGA VIỆT NAM

Lời giới thiệu

BỐI CẢNH LỊCH SỬ

Xuất bản năm 1776, *Một truy vấn về bản chất và nguyên nhân thịnh vượng của các quốc gia* (An Inquiry into the Nature and Causes of the Wealth of Nations) – thường được gọi tắt là *Sự thịnh vượng của các quốc gia* – là một tác phẩm kinh điển và nền tảng trong kinh tế học. Tác phẩm được viết trong bối cảnh các nền kinh tế châu Âu thời đó bị chi phối bởi chủ nghĩa trọng thương – một học thuyết cho rằng của cải quốc gia được đo bằng lượng vàng bạc tích lũy, và rằng chính phủ cần can thiệp mạnh mẽ vào xuất – nhập khẩu nhằm đạt thặng dư thương mại. Tác phẩm của Adam Smith đã bác bỏ những quan điểm này, đồng thời trình bày một tầm nhìn toàn diện về những quy luật vận hành của nền kinh tế thị trường tự do.

Được thai nghén trong bối cảnh Cách mạng Công nghiệp, *Sự thịnh vượng của các quốc gia* lý giải cách thức các quốc gia trở nên thịnh vượng thông qua sản xuất, thương mại và tự do kinh tế. Công trình này đã tạo nên một bước ngoặt trong tư duy kinh tế, định hình diễn ngôn học thuật trong hơn một thế kỷ sau đó và tiếp tục ảnh hưởng lâu dài đến cả kinh tế học cổ điển lẫn hiện đại. Tác phẩm không chỉ truyền cảm hứng cho vô số học giả, mà còn mang lại cho Adam Smith danh hiệu “cha đẻ của kinh tế học hiện đại”.

PHÂN CÔNG LAO ĐỘNG VÀ TÁC ĐỘNG ĐẾN NĂNG SUẤT

Một trong những đóng góp nổi bật nhất của Adam Smith là nhận thức sâu sắc rằng chuyên môn hóa và phân công lao động sẽ đem lại năng suất vượt trội. Trong *Sự thịnh vượng của các quốc gia*, ông mở đầu bằng ví dụ về một xưởng sản xuất đinh ghim: mười công nhân, mỗi người

đảm nhận một công đoạn riêng biệt (kéo dây thép, cắt thành đoạn nhỏ, gắn đầu ghim...), có thể cùng nhau sản xuất hơn 48.000 chiếc đinh mỗi ngày, trong khi nếu mỗi người làm toàn bộ quy trình một cách riêng lẻ thì có thể chỉ làm được chưa tới 20 chiếc trong cùng khoảng thời gian. Sự gia tăng sản lượng gấp 240 lần này cho thấy việc phân tách quá trình sản xuất thành các công đoạn chuyên môn hóa có thể gia tăng hiệu quả như thế nào. Theo Adam Smith, có ba lý do chính khiến phân công lao động giúp nâng cao năng suất: (1) người lao động trở nên thuần thục và hiệu quả hơn với nhiệm vụ cụ thể của mình; (2) giảm thời gian chết khi di chuyển giữa các khâu; và (3) chuyên môn hóa thúc đẩy phát minh và sử dụng máy móc, nhờ đó tiết kiệm sức lao động. Tổng hợp lại, những yếu tố này giúp tăng sản lượng đáng kể mà không cần gia tăng số lượng lao động.

Điều đáng lưu ý là Adam Smith cho rằng chuyên môn hóa rộng khắp sẽ dẫn đến “sự thịnh vượng phổ quát” – tức là sự gia tăng của cải cho mọi giai tầng trong xã hội. Trong một xã hội có sự phân công lao động sâu rộng, ngay cả những người nghèo nhất cũng sẽ được hưởng lợi, vì sản xuất hàng loạt khiến hàng hóa trở nên phong phú và rẻ hơn. Adam Smith nhận thấy rằng các quốc gia công nghiệp hóa vượt xa các xã hội sơ khai về năng lực sản xuất hàng hóa nhờ vào chuyên môn hóa, trong khi sự chênh lệch trong lĩnh vực nông nghiệp – nơi khó áp dụng phân công lao động – lại ít hơn. Tóm lại, Adam Smith xác định chuyên môn hóa là động lực then chốt của năng suất và tăng trưởng kinh tế, cho phép “sự nhân lên gấp bội của các sản phẩm thuộc mọi ngành nghề”, từ đó làm tăng của cải quốc gia. Nguyên lý này vẫn giữ vai trò trung tâm trong kinh tế học hiện đại, là cơ sở cho các dây chuyền lắp ráp cũng như chuỗi cung ứng toàn cầu ngày nay.

THỊ TRƯỜNG TỰ DO VÀ “BÀN TAY VÔ HÌNH”

Adam Smith nổi tiếng với lập luận ủng hộ thị trường tự do, cho rằng khi cá nhân được tự do theo đuổi lợi ích kinh tế của mình – được gọi là “bàn tay vô hình” – sẽ dẫn dắt việc phân bổ nguồn lực cho những

mục đích mang lại lợi ích lớn nhất cho xã hội. Trong *Sự thịnh vượng của các quốc gia*, Adam Smith viết rằng mỗi người, khi tìm cách mưu cầu lợi ích riêng, thường “được dẫn dắt bởi một bàn tay vô hình để thúc đẩy một mục đích không nằm trong dự định.” Theo đuổi lợi nhuận cá nhân, các cá nhân thường tạo ra lợi ích công cộng một cách hiệu quả hơn “so với khi họ thực sự có ý định làm điều đó”, ông nhấn mạnh. Chẳng hạn như, một nhà sản xuất, khi cố gắng làm ăn để kiếm lời, sẽ đồng thời cung ứng những hàng hóa dịch vụ mà người tiêu dùng cần, tạo ra công ăn việc làm và phân bổ nguồn lực một cách hiệu quả – những kết quả có lợi cho toàn xã hội, dù đó không phải là mục tiêu ban đầu của anh ta.

Lý thuyết “bàn tay vô hình” là một lập luận mạnh mẽ ủng hộ chính sách tự do kinh doanh – tức giảm thiểu can thiệp của nhà nước vào các hoạt động giao thương tự nguyện. Adam Smith cảnh báo rằng các chính trị gia hay nhà hoạch định chính sách không nên can thiệp vào việc cá nhân sử dụng vốn của họ như thế nào, vì không ai có thể có đủ thông tin để phân bổ nguồn lực hiệu quả bằng chính các tác nhân thị trường. Mọi nỗ lực của nhà nước nhằm điều tiết việc sử dụng vốn không những tạo ra gánh nặng không cần thiết mà còn có nguy cơ phân bổ sai nguồn lực một cách nguy hiểm. Do đó, Adam Smith bảo vệ quyền tự do kinh tế, nhờ đó các cá nhân được tự do giao dịch và đầu tư. Vai trò của nhà nước, theo ông, không phải là kiểm soát hay điều tiết thị trường mà là xây dựng khuôn khổ pháp lý và xã hội cơ bản để “bàn tay vô hình” có thể vận hành thông suốt. Adam Smith tin rằng khi thị trường được để cho tự vận hành – mở cửa với cạnh tranh trong nước và quốc tế – thì kết quả sẽ là giá cả ổn định, sản xuất hiệu quả và đổi mới sáng tạo nhờ nỗ lực không ngừng của các cá nhân nhằm cải thiện hoạt động của mình. Quan điểm này đặt nền móng cho các lý thuyết kinh tế sau này nhấn mạnh vào hiệu quả của thị trường tự do và thường được viện dẫn để phản đối sự can thiệp thái quá của nhà nước.

PHÊ PHÁN CHỦ NGHĨA TRỌNG THƯƠNG VÀ ỦNG HỘ THƯƠNG MẠI TỰ DO

Một phần lớn trong *Sự thịnh vượng của các quốc gia* được dành để bác bỏ các học thuyết trọng thương thịnh hành đương thời. Chủ nghĩa trọng thương cho rằng của cải là cố định và chỉ được đo bằng lượng kim loại quý nắm giữ, khiến các quốc gia tìm cách đạt thặng dư thương mại (xuất khẩu lớn hơn nhập khẩu) và tích trữ vàng bạc. Chính phủ áp đặt thuế quan, cấm nhập khẩu, ban phát độc quyền và hạn chế thương mại trong một cuộc chơi “có tổng bằng không” nhằm làm giàu cho quốc gia mình bằng cách làm tổn hại các quốc gia khác. Adam Smith kiên quyết chỉ trích các chính sách này là sai lầm. Ông lập luận rằng của cải không nằm ở tiền tệ, mà ở tổng sản lượng mà một quốc gia sản xuất và tiêu dùng – tức là “dòng hàng hóa và dịch vụ” mà quốc gia đó tạo ra. Do đó, tối đa hóa của cải không phải nhờ tích trữ vàng bạc, mà bằng cách gia tăng năng suất và thương mại. Xuất khẩu chỉ hữu ích trong chừng mực nó giúp thanh toán cho các mặt hàng nhập khẩu mà quốc gia cần; thương mại, nếu được tự do, là quan hệ cùng có lợi chứ không phải kẻ được – người mất.

Adam Smith phê phán chủ nghĩa trọng thương một cách toàn diện. Ông đặc biệt phản bác hai luận điểm cốt lõi của học thuyết này: (1) quan điểm rằng thuế quan cao và hạn chế thương mại có lợi cho nền kinh tế, và (2) niềm tin rằng tích trữ vàng bạc là điều kiện tiên quyết để đạt được thịnh vượng quốc gia. Về điểm thứ nhất, Adam Smith cho rằng thuế quan và chủ nghĩa bảo hộ có thể hỗ trợ một số nhà sản xuất trong ngắn hạn, nhưng cuối cùng sẽ khiến quốc gia nghèo đi do làm tăng giá cả và phân bổ sai nguồn lực. Việc bảo hộ các ngành sản xuất kém hiệu quả trong nước hoặc cấp độc quyền thương mại khiến vốn và lao động không được sử dụng cho mục đích đem lại giá trị cao nhất. Người tiêu dùng phải trả giá cao hơn cho hàng hóa kém chất lượng, và tổng sản lượng bị giảm so với tiềm năng. Adam Smith chứng minh rằng thương mại tự do cho phép mỗi quốc gia chuyên môn hóa theo sở trường (sau này gọi là lợi thế tuyệt đối hoặc tương đối), từ đó tất

cả đối tác thương mại đều có thể hưởng lợi. Ông viết rằng các hạn chế thương mại kiểu trọng thương làm chậm, thay vì thúc đẩy, tiến trình đi đến sự giàu có và vĩ đại thực sự của xã hội; và làm giảm, thay vì gia tăng, giá trị thực tế của tổng sản lượng hàng năm. Ngược lại, loại bỏ các rào cản đó sẽ giúp cho “hệ thống tự do tự nhiên, đơn giản và rõ ràng” được thiết lập, qua đó nâng cao của cải quốc gia.

Về luận điểm thứ hai, Adam Smith khẳng định rằng tiền chỉ là công cụ trung gian, không phải thước đo tối hậu của của cải. Ông nổi tiếng với nhận định: “Không phải vàng bạc, mà chính sức lao động, mới là cái giá ban đầu để mua tất cả của cải trên thế giới.” Nói cách khác, sự giàu có của một quốc gia bắt nguồn từ lao động sản xuất và hàng hóa thực, chứ không phải từ ngân khố chứa đầy kim loại quý. Tích trữ vàng là vô nghĩa nếu điều đó dẫn đến việc kìm hãm tiêu dùng trong nước hay cản trở các hoạt động nhập khẩu có lợi.

Adam Smith đảo ngược hoàn toàn logic của chủ nghĩa trọng thương: tiêu dùng và thịnh vượng phổ quát mới là mục tiêu đích thực của chính sách kinh tế, chứ không phải xuất siêu. Ông chứng minh rằng khi các quốc gia được tự do giao thương, cả hai bên đều có thể được lợi, vì mỗi nước có thể mua hàng hóa với chi phí thấp hơn so với việc tự sản xuất mọi thứ. Cách tiếp cận tích cực – hai bên cùng có lợi – này đã tạo nên cuộc cách mạng trong tư duy về thương mại. Phân tích của Adam Smith đặt nền tảng cho học thuyết thương mại tự do, và góp phần thúc đẩy các phong trào dỡ bỏ rào cản thương mại (chẳng hạn như việc Anh bãi bỏ Luật Ngũ cốc vào thế kỷ XIX). Thực tế, lập luận của ông sau này được David Ricardo phát triển thành lý thuyết lợi thế so sánh, nhưng Adam Smith đã sớm trình bày một cách thuyết phục rằng các hạn chế thương mại kiểu trọng thương là phản tác dụng về mặt kinh tế. Tóm lại, Adam Smith kêu gọi mở cửa thị trường và tự do thương mại quốc tế, lập luận rằng việc để hàng hóa, vốn và lao động tự do lưu chuyển qua biên giới sẽ tối đa hóa sự thịnh vượng quốc gia và gắn kết lợi ích cá nhân vào một trật tự kinh tế hiệu quả hơn.

VAI TRÒ THÍCH HỢP CỦA NHÀ NƯỚC

Mặc dù Adam Smith thường được xem là người ủng hộ chủ nghĩa tự do kinh tế tuyệt đối (*laissez-faire*), ông vẫn đề ra một vai trò quan trọng (dù giới hạn) dành cho nhà nước trong một nền kinh tế lành mạnh. Theo Adam Smith, nhà nước cần thực hiện ba chức năng cốt lõi trong khuôn khổ mà ông gọi là “hệ thống tự do tự nhiên”:

- Bảo vệ quốc gia khỏi xâm lược hoặc các mối đe dọa từ bên ngoài. Nhà nước phải duy trì lực lượng quân sự để đảm bảo an ninh quốc gia. Thị trường tư nhân không thể tự cung cấp dịch vụ quốc phòng, dù đây là điều kiện thiết yếu để duy trì xã hội. Adam Smith coi quốc phòng là nhiệm vụ hàng đầu của chính quyền, vì hòa bình và an ninh là tiền đề không thể thiếu cho mọi hoạt động kinh tế.
- Thực thi công lý và bảo vệ cá nhân khỏi các hành vi xâm hại từ người khác. Điều này bao gồm việc duy trì hệ thống tòa án, thực thi hợp đồng và bảo đảm luật pháp được tuân thủ để quyền sở hữu được bảo vệ. Theo Adam Smith, thương mại và của cải không thể phát triển nếu người dân sống trong lo sợ bị trộm cắp, gian lận hoặc bạo lực, hoặc nếu “niềm tin vào hợp đồng” không được pháp luật bảo vệ. Do đó, nhà nước cần đảm bảo một khuôn khổ pháp lý ổn định (thượng tôn pháp luật) để bảo vệ doanh nghiệp và lợi ích cá nhân.
- Cung cấp thể chế và hàng hóa công cộng mà tư nhân không muốn hoặc không thể đảm nhận. Adam Smith nhận thấy có những thứ như đường sá, cầu cống, hạ tầng và giáo dục mang lại lợi ích xã hội lớn nhưng không sinh lời cho từng nhà đầu tư tư nhân riêng lẻ. Những công trình này tạo ra ngoại tác tích cực hoặc đòi hỏi đầu tư lớn mà cá nhân không thể thu hồi chi phí. Vì vậy, theo Adam Smith, nhà nước có nhiệm vụ xây dựng và duy trì các công trình công cộng như vậy, miễn là lợi ích xã hội lớn hơn chi phí. Ông cũng nhấn mạnh vai trò của

các thể chế công như trường học: Adam Smith ủng hộ việc phổ cập giáo dục cơ bản, một phần để giảm thiểu tác động tiêu cực đến tinh thần người lao động do phân công lao động quá mức, và phần khác nhằm hình thành một công dân hiểu biết.

Ngoài ba chức năng trên – quốc phòng, công lý và hàng hóa công – Adam Smith nhìn chung phản đối sự can thiệp của nhà nước vào nền kinh tế. Ông lập luận rằng phần lớn các quy định (chẳng hạn như độc quyền, rào cản thương mại, hay trợ cấp ngành) đều “thiếu cơ sở và phản tác dụng”, thường được đưa ra nhằm phục vụ lợi ích nhóm chứ không phải lợi ích công. Đáng chú ý, Adam Smith chỉ trích việc doanh nghiệp câu kết với nhà nước: chẳng hạn như các phường hội hoặc công ty vận động hành lang để ban hành quy định mang lại cho họ thế lực độc quyền. Ông quan sát rằng “những người cùng ngành hiếm khi tụ họp, dù chỉ để vui chơi, mà cuộc trò chuyện không kết thúc bằng một âm mưu chống lại công chúng” – thể hiện sự cảnh giác của ông trước các tập đoàn và thế lực độc quyền. Trong lý tưởng của Adam Smith, nhà nước duy trì thị trường mở và cạnh tranh lành mạnh, tránh thiên vị hoặc can thiệp vào cơ chế giá cả. Tuy nhiên, ông không cực đoan mà thừa nhận một số ngoại lệ có thể chấp nhận được cho sự can thiệp của nhà nước (ví dụ như hỗ trợ tạm thời cho các ngành công nghiệp non trẻ hoặc một số chính sách thuế), nhưng những trường hợp này phải được cân nhắc kỹ lưỡng để tránh tác dụng ngược không mong muốn.

Tóm lại, nhà nước theo quan điểm của Adam Smith là một nhà nước gọn nhẹ nhưng thiết yếu: đảm bảo pháp quyền, an ninh và hạ tầng công cộng, đồng thời để cá nhân và “bàn tay vô hình” của thị trường quyết định các lựa chọn kinh tế hàng ngày. Cách tiếp cận này là một sự đoạn tuyệt rõ rệt với mô hình trọng thương, trong đó chính phủ can thiệp vào hầu hết mọi khía cạnh của hoạt động kinh tế. Tư tưởng rõ ràng của Adam Smith về phạm vi thích hợp của chính quyền đã đặt nền móng cho tư tưởng tự do cổ điển – một chính phủ giới hạn đóng vai trò hỗ trợ, chứ không điều hành, nền kinh tế thị trường.

GIÁ TỰ NHIÊN VÀ GIÁ THỊ TRƯỜNG

Để lý giải cách thức thị trường vận hành, Adam Smith phân biệt giữa “giá tự nhiên” (natural price) và “giá thị trường” (market price) của một hàng hóa. Giá tự nhiên là mức giá cân bằng dài hạn – tức chi phí sản xuất bao gồm mức tiền công tự nhiên cho lao động, địa tô cho đất đai, và lợi nhuận bình quân cho vốn – sao cho nhà sản xuất nhận được lợi nhuận bình thường và hàng hóa có thể được cung ứng một cách bền vững. Trong điều kiện cạnh tranh tự do, giá tự nhiên là mức giá thấp nhất mà sản phẩm có thể tiếp tục được sản xuất trong dài hạn, đảm bảo thù lao thông thường cho tất cả các yếu tố sản xuất. Ngược lại, giá thị trường là mức giá thực tế tại một thời điểm cụ thể, được xác định bởi quan hệ cung – cầu tức thời trên thị trường.

Adam Smith quan sát rằng giá thị trường dao động xung quanh giá tự nhiên. Nếu một sản phẩm trở nên khan hiếm so với nhu cầu – ví dụ một vụ mùa thất bát khiến ngũ cốc khan hiếm – người mua sẽ cạnh tranh và đẩy giá lên cao hơn mức giá tự nhiên, vì nhiều người sẵn sàng trả cao hơn chi phí sản xuất để giành lấy lượng cung hạn chế. Giá thị trường cao dẫn đến lợi nhuận (hoặc tiền công, địa tô) bất thường cho người bán. Mức lợi nhuận vượt trội này đóng vai trò như một tín hiệu thu hút nguồn lực: nhiều nhà nông sẽ gieo trồng loại cây đó trong vụ tiếp theo, hoặc thương nhân sẽ nhập khẩu thêm, làm tăng nguồn cung. Khi cung tăng (hoặc cầu giảm do giá cao), giá thị trường sẽ giảm trở lại mức giá tự nhiên. Ngược lại, nếu thị trường dư cung – ví dụ hàng hóa tràn ngập nhưng không đủ người mua ở mức giá tự nhiên – người bán buộc phải giảm giá, thậm chí xuống dưới giá tự nhiên, để xả hàng. Khi giá xuống thấp như vậy, một số nhà sản xuất bị thua lỗ, buộc họ phải thu hẹp sản xuất hoặc rút lui khỏi thị trường. Cung sẽ co lại cho đến khi giá tăng trở lại gần mức tự nhiên. Qua các điều chỉnh như vậy, Adam Smith viết, giá thị trường “liên tục nghiêng về” giá tự nhiên, giống như một con lắc dao động quanh điểm cân bằng.

Trong trạng thái cân bằng, khi lượng cung vừa đúng bằng “cầu hiệu dụng” (là mức người tiêu dùng sẵn sàng và có khả năng trả giá tự

nhiên), thì giá thị trường bằng giá tự nhiên. Ở mức giá này, toàn bộ hàng hóa đều được tiêu thụ mà không có dư thừa hay thiếu hụt, và nhà sản xuất chỉ nhận được lợi nhuận bình thường – không đủ hấp dẫn để thu hút thêm đối thủ mới, cũng không gây thua lỗ khiến người bán rút lui. Adam Smith nhấn mạnh rằng cạnh tranh là yếu tố đảm bảo xu hướng này: nếu một người bán trong thị trường tự do cố nâng giá cao hơn mức tự nhiên, các đối thủ sẽ hạ giá để cạnh tranh, kéo giá quay về mức cân bằng. Chỉ khi cạnh tranh bị hạn chế (ví dụ bởi độc quyền hay liên minh thao túng thị trường), thì giá cả mới có thể duy trì ở mức cao hơn giá tự nhiên một cách bền vững. Thực tế, Adam Smith nhận xét: “Giá độc quyền luôn là giá cao nhất có thể có trong mọi trường hợp,” trong khi cạnh tranh tự do mang lại mức giá thấp nhất có thể duy trì được. Tương tự, các chính sách của chính phủ như thuế quan hay hạn ngạch có thể khiến giá thị trường bị giữ ở mức cao một cách nhân tạo do hạn chế cạnh tranh. Nhưng nếu không có các yếu tố méo mó như vậy, sự kết hợp giữa lợi ích cá nhân và cạnh tranh sẽ đảm bảo rằng giá thị trường phản ánh đúng chi phí nền tảng. Phân tích này là một trong những diễn giải sớm nhất về cơ chế cung – cầu và khái niệm giá tự nhiên như một “điểm hấp dẫn” trong dài hạn. Nó phản ánh quan điểm của Adam Smith về thị trường như một cơ chế tự điều chỉnh: mỗi khi giá cả lệch khỏi chi phí sản xuất, tín hiệu lợi nhuận sẽ điều hướng nguồn lực thêm vào hoặc rút ra cho đến khi lấy lại trạng thái cân bằng.

LÝ THUYẾT GIÁ TRỊ LAO ĐỘNG

Adam Smith cũng đi sâu trả lời câu hỏi điều gì xác định giá trị của hàng hóa. Ông đưa ra một hình thức ban đầu của lý thuyết giá trị lao động – tức quan niệm rằng lao động là nguồn gốc ban đầu của giá trị hàng hóa. Theo Adam Smith, sức lao động... là thước đo thực sự của giá trị trao đổi của mọi hàng hóa. Trong một xã hội nguyên sơ, chưa có địa chủ hay tư bản – điều mà Adam Smith gọi là “trạng thái sơ khai của xã hội” – thì lượng sức lao động cần thiết để sản xuất ra một vật phẩm sẽ tương ứng với lượng hàng hóa khác mà nó có thể trao đổi. Ví dụ, nếu sản một con hải ly cần gấp đôi thời gian lao động so với

sản một con nai, thì (trong điều kiện không có méo mó nào khác) một con hải ly sẽ có thể trao đổi lấy khoảng hai con nai. Trong mô hình đơn giản này, lao động đóng vai trò như đơn vị tiền tệ đo lường giá trị – giá trị của mỗi hàng hóa tương ứng với lượng lao động kết tinh trong nó hoặc lượng lao động mà nó có thể “mua” khi trao đổi. Adam Smith nổi tiếng với mệnh đề: “Không phải vàng bạc, mà chính sức lao động, mới là cái giá ban đầu để mua tất cả của cải trên thế giới.” Mọi giá trị, xét đến cùng, đều xuất phát từ công sức con người; tiền tệ chỉ là phương tiện trung gian đại diện cho một lượng lao động nhất định có thể quy đổi ra hàng hóa.

Tuy nhiên, Adam Smith cũng thừa nhận rằng trong các xã hội thương mại phát triển, vấn đề trở nên phức tạp hơn. Khi vốn và đất đai tham gia vào quá trình sản xuất – với người lao động, nhà tư bản và địa chủ đều muốn được chia phần – thì giá của một hàng hóa sẽ được cấu thành từ ba yếu tố: tiền công (cho sức lao động), lợi nhuận (cho tư bản) và địa tô (cho đất đai). Như đã nêu ở trên, “giá tự nhiên” của một hàng hóa bao gồm đầy đủ phần thù lao cho ba yếu tố sản xuất ở mức bình quân. Trong xã hội như vậy, một giờ lao động này không còn tự động trao đổi được với một giờ lao động khác, vì sản phẩm của giờ lao động đó có thể chứa cả đầu vào từ tư bản và đất đai. Do đó, Adam Smith xem lao động là thước đo thực tế của giá trị trên nguyên tắc, nhưng ông nhận thấy rằng giá thị trường thực tế được quyết định bởi các khoản chi trả cho sức lao động, vốn và đất. Ông cũng chỉ ra những khó khăn trong việc sử dụng lao động làm thước đo: khác biệt về kỹ năng, mức độ nỗ lực và tính chất công việc khiến một giờ lao động không phải lúc nào cũng có giá trị như nhau. Ví dụ, một giờ của thợ thủ công lành nghề có thể đáng giá hơn nhiều giờ của lao động phổ thông.

Dù có những giới hạn như vậy nhưng lý thuyết giá trị lao động của Adam Smith vẫn có ảnh hưởng lớn. Ông sử dụng lý thuyết này để khẳng định rằng lao động là nguồn gốc thực sự của của cải, không chỉ từ góc độ kinh tế mà còn với hàm ý đạo đức: điều đó khẳng định vai trò đóng góp của tầng lớp lao động. Các nhà kinh tế học cổ điển sau này

như David Ricardo đã kế thừa và phát triển ý tưởng của Adam Smith, xây dựng lý thuyết giá trị lao động tinh vi hơn (Ricardo phân biệt giữa “giá trị sử dụng” và “giá trị trao đổi” và tập trung vào chi phí lao động cho các hàng hóa có thể tái sản xuất). Karl Marx thậm chí còn đẩy lý thuyết này đi xa hơn, cho rằng lao động là nguồn gốc của toàn bộ “giá trị thặng dư.” Tuy nhiên, bản thân Adam Smith sẽ không đồng tình với quan điểm này – ông không khẳng định rằng lao động là yếu tố duy nhất quyết định giá cả, mà chỉ cho rằng lao động là điểm khởi đầu và là thước đo nền tảng của giá trị; bên cạnh đó còn có tư bản và đất đai.

Phân tích của Adam Smith vì vậy đóng vai trò chuyển tiếp: bắt đầu với lý thuyết lao động phù hợp với nền kinh tế giản đơn, sau đó điều chỉnh để phù hợp với nền kinh tế có nhiều đầu vào. Qua đó, ông nêu bật cách sản phẩm của cải được phân chia giữa các giai tầng xã hội – một chủ đề tiếp tục được đào sâu trong kinh tế học cổ điển. Đáng chú ý, Adam Smith cũng quan sát thấy mối quan hệ đối nghịch giữa tiền công và lợi nhuận: khi cạnh tranh lao động làm tăng tiền công, thì lợi nhuận có xu hướng giảm, và ngược lại. Đây là một hình thức sơ khai của lý thuyết phân phối thu nhập, vốn được các nhà kinh tế sau này phát triển sâu hơn.

TÍCH LŨY TƯ BẢN VÀ TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ

Adam Smith đặc biệt nhấn mạnh vai trò của việc tích lũy tư bản như một động lực chính của tiến bộ kinh tế. Theo ông, quá trình tích lũy tư bản – tức là tích tụ công cụ, máy móc, hạ tầng và ngân quỹ đầu tư – chính là cơ sở để nền kinh tế mở rộng năng lực sản xuất theo thời gian. Ngay cả phân công lao động, ông lưu ý, cũng bị giới hạn bởi quy mô thị trường, và việc mở rộng thị trường thường đòi hỏi đầu tư (chẳng hạn như vào đường sá hay tàu thuyền phục vụ thương mại) và sự sẵn có của các công cụ đã được sản xuất. Adam Smith cho rằng để gia tăng thu nhập tương lai, phải hy sinh một phần tiêu dùng hiện tại để chuyển thành tư bản, từ đó sinh ra sản lượng lớn hơn sau này. Bằng cách tiết kiệm và đưa nguồn lực trở lại hoạt động kinh doanh – tuyển thêm lao

động, xây nhà xưởng mới, hoặc mua sắm máy móc hiện đại hơn – xã hội có thể sản xuất nhiều hơn trong năm sau so với năm trước.

Adam Smith chỉ ra rằng thu nhập tương lai của một quốc gia phụ thuộc vào quá trình hình thành tư bản ở hiện tại. Càng đầu tư nhiều vào việc nâng cao “năng lực sản xuất” (thông qua máy móc, kỹ năng, và cơ sở hạ tầng thiết yếu), thì càng tạo ra nhiều của cải trong những năm tiếp theo. Quá trình này tạo nên một vòng xoáy đi lên: đầu tư làm tăng năng suất, năng suất tăng làm gia tăng sản lượng và thu nhập, từ đó tạo điều kiện đầu tư tiếp tục. Nhờ vòng lặp này, “thịnh vượng trở thành một chiếc bánh ngày càng lớn – mọi người đều giàu lên” khi tư bản tăng trưởng và giúp lao động hiệu quả hơn. Qua nhiều thế hệ, quá trình tái đầu tư liên tục này có thể đưa một quốc gia nghèo yếu trở nên giàu mạnh.

Tuy vậy, Adam Smith cũng nhận thấy rằng động lực tích lũy tư bản có thể gặp trở ngại nếu không được hỗ trợ bởi các điều kiện phù hợp. Một vấn đề là hiện tượng lợi suất giảm dần hoặc cạnh tranh quá mức – khi tư bản được tích lũy quá nhiều, lợi nhuận trên vốn có thể suy giảm (xu hướng lãi suất và tỷ suất lợi nhuận giảm dần khi tổng dự trữ tư bản tăng lên). Quan trọng hơn, Adam Smith cảnh báo rằng tư bản có thể bị lãng phí hoặc sử dụng sai mục đích. Nếu nhà đầu tư ra quyết định sai lầm, hoặc nếu nhà nước tiêu xài hoang phí hay bị đánh thuế quá nặng, thì nguồn vốn lẽ ra được đưa vào sản xuất có thể bị tiêu hao. Ông đưa ví dụ về các địa chủ thời ông tiêu tiền vào việc nuôi dưỡng đội ngũ người hầu đông đảo (lao động không sản xuất) hoặc tiêu dùng xa xỉ – những thứ thể hiện sự giàu có nhưng không làm tăng sản lượng tương lai. Cũng như vậy, một quốc gia tiêu phí ngân sách vào chiến tranh hay tiêu dùng xa hoa sẽ không có tăng trưởng, trong khi quốc gia tái đầu tư thặng dư vào thương mại và công nghiệp sẽ tiến bộ. Adam Smith cũng nhấn mạnh rằng quyền sở hữu phải được bảo đảm để khuyến khích tích lũy tư bản: nếu nhà đầu tư lo sợ của cải bị tịch thu hay phá hủy, họ sẽ không sẵn sàng đầu tư. Do đó, một nhà nước ổn định và nền pháp trị là điều kiện tiên quyết để cá nhân yên tâm tiết kiệm và đầu tư cho tương lai.

Một cách tổng thể, Adam Smith xem tích lũy tư bản là động lực trung tâm thúc đẩy phát triển kinh tế. Tư bản tài trợ cho các sáng kiến mới và cải tiến công nghệ, cho phép lao động tạo ra sản lượng vượt xa so với sản xuất thủ công thuần túy. Quả thực, Cách mạng Công nghiệp sau đó có thể được hiểu theo lăng kính của Adam Smith: lượng tư bản ngày càng tăng ở Anh (nhờ lợi nhuận từ thương mại...) đã tài trợ cho các nhà máy, qua đó nhân bội sản lượng. Những phân tích của Adam Smith về tư bản đặt nền móng cho tư tưởng kinh tế học hiện đại – các nhà kinh tế như Robert Solow sau này đã xây dựng lý thuyết tăng trưởng bằng cách nhấn mạnh vai trò của tích lũy tư bản, và các nhà kinh tế phát triển vẫn luôn nhấn mạnh vai trò của tiết kiệm và đầu tư như yếu tố then chốt cho tăng trưởng dài hạn. Tư tưởng của Adam Smith nhắc nhở chúng ta rằng của cải phải được tạo ra thông qua đầu tư sản xuất – và rằng chính việc tích lũy tư bản (chứ không phải tiêu dùng hay tích trữ) mới là con đường đưa đến thu nhập quốc gia tăng trưởng bền vững.

ẢNH HƯỞNG LÂU DÀI ĐỐI VỚI KINH TẾ HỌC

Tác phẩm *Sự thịnh vượng của các quốc gia* của Adam Smith đã để lại dấu ấn sâu sắc không chỉ trong lĩnh vực kinh tế học mà còn trong toàn bộ tiến trình hoạch định chính sách kinh tế. Ngay sau khi ra đời, tác phẩm này nhanh chóng trở thành nền tảng của kinh tế học cổ điển. Các học giả như Thomas Malthus, David Ricardo và John Stuart Mill đều phát triển tư tưởng dựa trên các phát kiến của Adam Smith. Ricardo, chẳng hạn, đã mở rộng lập luận ủng hộ tự do thương mại của Adam Smith thông qua lý thuyết lợi thế so sánh – và ông cũng thừa nhận rằng chính phê phán chủ nghĩa trọng thương của Adam Smith là nguồn cảm hứng trực tiếp. Malthus và các nhà tư tưởng khác tuy phản biện tinh thần lạc quan về tăng trưởng của Adam Smith (bằng cách đưa ra lý thuyết dân số và giới hạn tài nguyên), nhưng vẫn tôn trọng khung lý thuyết Adam Smith đã thiết lập – nơi mà tư bản, lao động và năng suất là những yếu tố then chốt. Kinh tế chính trị, như một ngành học thuật độc lập, đã nảy sinh từ công trình của Adam Smith – vốn lần đầu tiên hệ thống

hóa việc phân tích sản xuất, định giá, phân phối và vai trò của chính sách nhà nước trong một lý thuyết thống nhất. Trong hơn 100 năm tiếp theo, hầu hết các nhà kinh tế lớn đều trực tiếp chịu ảnh hưởng bởi tư tưởng của Adam Smith, dù là đồng tình hay phản biện. Ngay cả Karl Marx – một người phê phán nghiêm khắc chủ nghĩa tư bản – cũng dành lời khen cho Adam Smith (và David Ricardo) vì đã khám phá ra động lực nội tại của hệ thống tư bản, đặc biệt là khái niệm giá trị lao động và quá trình tích lũy tư bản – dù ông rút ra kết luận khác hẳn. Theo nghĩa đó, Adam Smith đã ảnh hưởng sâu sắc đến cả những người đối lập về tư tưởng, bởi ông đã đặt ra khuôn khổ cho các câu hỏi kinh tế nền tảng mà mọi trường phái đều phải giải đáp.

Về mặt chính sách, ảnh hưởng của Adam Smith trong thế kỷ 19 là vô cùng to lớn. Các tư tưởng của ông giúp hợp pháp hóa xu hướng ủng hộ tự do thương mại và tự do hóa kinh tế tại Anh và nhiều quốc gia khác. Những người ủng hộ thương mại tự do tại Anh thường trích dẫn *Sự thịnh vượng của các quốc gia* trong các cuộc tranh luận tại Quốc hội. Đến giữa thế kỷ 19, tạp chí *The Economist* và nhiều diễn đàn chính sách uy tín khác coi tác phẩm của Adam Smith như “kinh thánh” của tư tưởng kinh tế đúng đắn, góp phần đưa nước Anh trở thành “công xưởng của thế giới” dưới điều kiện gần như laissez-faire. Trên phạm vi quốc tế, sự lan tỏa của kinh tế học cổ điển khiến nhiều nước phương Tây dần từ bỏ các rào cản mang tính trọng thương (dù không đồng đều và với không ít kháng cự). Học thuyết tư bản laissez-faire – để nền công nghiệp tự vận hành với ít sự can thiệp – chịu ảnh hưởng mạnh mẽ từ cách diễn giải phổ biến tư tưởng của Adam Smith (dù bản thân ông có đề cập đến một số ngoại lệ, nhưng các học giả thế kỷ 19 lại thường nhấn mạnh khía cạnh thị trường tự do).

Về học thuật, *Sự thịnh vượng của các quốc gia* toàn diện đến mức trở thành giáo trình kinh tế chủ đạo trong nhiều thập niên. Phải đến cuối thế kỷ 19, khi “cuộc cách mạng cận biên” (với Jevons, Marshall...) xuất hiện, các khung lý thuyết mới mới dần được hình thành – nhưng ngay cả khi đó, họ cũng không phủ nhận Adam Smith mà chỉ điều

chỉnh một số khía cạnh (ví dụ: thay thế lý thuyết giá trị lao động bằng lý thuyết lợi ích cận biên, hoặc phân tích cung – cầu với công cụ chặt chẽ hơn). Những nguyên lý cốt lõi mà Adam Smith đề ra – như chuyên môn hóa, cơ chế giá thị trường, vai trò của lợi ích cá nhân và cạnh tranh – đã trở thành nền tảng của khoa học kinh tế hiện đại. Nhiều thuật ngữ và khái niệm ông sử dụng vẫn còn nguyên giá trị: “bàn tay vô hình”, “phân bổ nguồn lực”, “lao động sản xuất và không sản xuất”, khái niệm sản lượng quốc gia tương tự GDP, và nhiều khái niệm khác.

Trong kinh tế học, Adam Smith được thừa nhận rộng rãi là “cha đẻ của kinh tế học hiện đại” và *Sự thịnh vượng của các quốc gia* được xem là chuyên luận vĩ đại đầu tiên mô tả cách nền kinh tế thị trường vận hành. Tác phẩm của ông ảnh hưởng trực tiếp đến sự hình thành của kinh tế học tân cổ điển và tư duy coi giá cả là tín hiệu phân bổ nguồn lực. Trong thế kỷ 20 và 21, những nhà kinh tế ủng hộ thị trường tự do – từ Friedrich Hayek, Milton Friedman cho đến các học giả đương đại – thường xuyên trích dẫn Adam Smith khi nói về sức mạnh tự điều tiết của thị trường và những rủi ro của kế hoạch hóa tập trung. Khái niệm “bàn tay vô hình” được chính thức hóa trong các lý thuyết về cân bằng tổng quát và kinh tế học phúc lợi (hai định lý cơ bản của kinh tế học phúc lợi cho thấy các điều kiện để thị trường dẫn đến kết quả Pareto tối ưu – một tư tưởng đã được Adam Smith tiên đoán khi cho rằng lợi ích cá nhân có thể thúc đẩy lợi ích cộng đồng). Ngay cả những cuộc tranh luận hiện nay về toàn cầu hóa, bất bình đẳng thu nhập hay kích thích tài khóa cũng thường gọi lại các luận điểm Adam Smith từng nêu – chẳng hạn như lợi ích của thương mại, vai trò của tích lũy tư bản, hay sự cân bằng giữa tự do thị trường và nghĩa vụ xã hội.

Tuy nhiên, các nhà kinh tế hiện đại cũng nhấn mạnh đến chiều sâu tư tưởng của Adam Smith – điều đôi khi bị đơn giản hóa trong các diễn giải phổ biến. Adam Smith không ủng hộ một nền kinh tế tư bản hoang dã thiếu đạo đức. Nên nhớ rằng trước khi trở thành người khai sinh ra kinh tế học hiện đại, Adam Smith là một triết gia đạo đức giàu tính nhân văn, tác giả của *The Theory of Moral Sentiments*. Ông giả định rằng thị trường tự do phải tồn tại trong một bối cảnh có chuẩn

mục đạo đức và tự do tự nhiên được giới hạn bởi công lý. Ông cũng thừa nhận các hiện tượng thất bại thị trường (như sự cần thiết của hàng hóa công cộng, hay việc chuyên môn hóa thái quá có thể mài mòn trí tuệ của người lao động – điều khiến ông đề xuất giáo dục công). Bên cạnh đó, những lĩnh vực mà Adam Smith chưa đề cập kỹ – như vai trò vĩ mô của cung tiền hay chu kỳ kinh doanh – đã được các học giả sau này phát triển (như Keynes). Dẫu vậy, khuôn khổ tổng thể mà Adam Smith để lại – rằng của cải quốc gia được thúc đẩy bởi năng suất lao động, tích lũy tư bản, và trao đổi tự do trong một hệ thống pháp luật và tự do – vẫn giữ nguyên sức sống và giá trị định hướng. Di sản của ông vẫn hiện diện mỗi khi chúng ta bàn đến tăng trưởng GDP, năng suất, chính sách thương mại, hay so sánh giữa thị trường và điều tiết.

Gần 250 năm sau khi ra đời, *Sự thịnh vượng của các quốc gia* vẫn giữ nguyên tính thời sự – đặc biệt trong bối cảnh căng thẳng thương mại và diễn ngôn tân trọng thương chi phối chính sách kinh tế của chính quyền Trump, với trọng tâm là thâm hụt thương mại, áp thuế đối ứng và chính sách công nghiệp “Nước Mỹ trên hết”. Lờ phê phán của Adam Smith đối với chủ nghĩa trọng thương – học thuyết kinh tế thống trị thời ông – mang đến bài học vượt thời gian về tác hại của việc xem thương mại quốc tế như một “trò chơi có tổng bằng không”. Adam Smith lập luận rằng của cải quốc gia không được đo bằng lượng vàng tích lũy hay thặng dư thương mại, mà bằng năng suất tổng thể và mức sống của người dân – những yếu tố được nâng cao tốt nhất thông qua trao đổi tự do và chuyên môn hóa. Lập luận mạnh mẽ của ông về lợi ích tương hỗ từ thương mại trái ngược hoàn toàn với tư duy thương mại đối đầu, coi nhập khẩu là mất mát và xuất khẩu là thắng lợi.

Nhìn về tương lai, tác phẩm của Adam Smith cung cấp một nền tảng lý luận vững chắc để chống lại sự quay trở lại của chủ nghĩa dân tộc kinh tế. Dù các chính sách bảo hộ hiện đại có thể tỏ ra hữu dụng về mặt chính trị hoặc nhằm giải quyết một số bất công cụ thể (ví dụ: cạnh tranh không công bằng hay lo ngại an ninh quốc gia), Adam Smith cảnh báo về những tác hại của việc chính phủ cố gắng kiểm soát các ngành công

ngiệp thông qua các can thiệp tùy tiện. Các biện pháp thuế quan và trả đũa trong thời kỳ Donald Trump rồi sẽ qua đi, nhưng câu hỏi triết lý sâu sắc hơn vẫn còn đó: liệu nhà nước nên tìm cách định hình kinh tế toàn cầu theo lợi ích riêng, hay thay vào đó nên xây dựng các thể chế trong nước giúp người dân phát triển thông qua trao đổi tự nguyện? Theo nghĩa này, *Sự thịnh vượng của các quốc gia* không chỉ là công trình nền tảng của kinh tế học cổ điển, mà còn là kim chỉ nam quan trọng giúp định hướng lại những đứt gãy tư tưởng của toàn cầu hóa trong thế kỷ 21.

Tóm lại, *Sự thịnh vượng của các quốc gia* là một công trình kinh điển khai sáng nguyên lý vận hành của kinh tế thị trường. Các chủ đề cốt lõi như: hiệu quả của phân công lao động, vai trò điều phối của “bàn tay vô hình” trong thị trường tự do, sự sai lầm của chủ nghĩa trọng thương và ưu thế của thương mại tự do, vai trò thích đáng nhưng giới hạn của nhà nước, sự khác biệt giữa giá tự nhiên và giá thị trường, nguồn gốc giá trị từ lao động, và tầm quan trọng của tích lũy tư bản – tất cả tạo thành nền móng của lý thuyết kinh tế cổ điển. Adam Smith đã kết hợp những quan sát sắc sảo về đời sống kinh tế thế kỷ 18 với tầm nhìn sâu rộng về những cơ chế nền tảng vẫn còn nguyên giá trị đến nay. Tác phẩm này không chỉ ảnh hưởng đến chính sách và học thuật đương thời, mà còn định hình sự phát triển lâu dài của kinh tế học như một ngành khoa học. Tư duy kinh tế hiện đại – từ cổ điển, tân cổ điển đến các học thuyết thị trường tự do đương đại – đều có dấu ấn sâu sắc của *Sự thịnh vượng của các quốc gia*. Như một nhà sử học từng nhận xét, Adam Smith đã khởi xướng một cuộc “cách mạng về hệ hình” trong kinh tế học, có ảnh hưởng sánh ngang Newton trong vật lý hay Kant trong triết học. Hơn hai thế kỷ sau, các nhà hoạch định chính sách và giới học thuật vẫn đang đối thoại với những tư tưởng mà Adam Smith đề ra – điều đó chứng minh sức sống bền bỉ của ông trong việc lý giải cách các quốc gia đạt được – hoặc đánh mất – sự giàu có của mình.

Tháng 6 năm 2025

TS VŨ THÀNH TỰ ANH

Dẫn nhập và đề cương tác phẩm

Sức lao động hàng năm của mỗi quốc gia là nguồn lực ban đầu đáp ứng cho quốc gia đó mọi loại nhu yếu phẩm và tiện nghi của cuộc sống mà họ tiêu thụ hàng năm, và là nguồn lực luôn bao gồm sản phẩm trực tiếp của sức lao động đó hoặc những gì được mua từ các quốc gia khác nhờ vào những sản phẩm đó.

Vì vậy, tùy vào việc các sản phẩm đó, hoặc những thứ được mua bằng sản phẩm đó, có tỉ lệ lớn hơn hoặc nhỏ hơn so với số người tiêu dùng, quốc gia đó sẽ được cung cấp tốt hơn hoặc kém hơn tất cả các loại nhu yếu phẩm và tiện nghi cần thiết.

Nhưng tỉ lệ này ở mỗi quốc gia phải được điều tiết bởi hai yếu tố khác nhau: thứ nhất là kỹ năng, sự khéo léo và óc đánh giá mà với đó sức lao động được sử dụng; thứ hai là theo tỉ lệ giữa số người được sử dụng vào lao động hữu ích với số người không được sử dụng. Dù cho đất đai, khí hậu hay quy mô lãnh thổ của một quốc gia bất kỳ có ra sao, thì sự dồi dào hay khan hiếm nguồn cung hàng năm của quốc gia ấy trong tình huống cụ thể đó phải phụ thuộc vào hai yếu tố nêu trên.

Sự dồi dào hay thiếu thốn của nguồn cung này dường như phụ thuộc nhiều vào yếu tố thứ nhất hơn yếu tố thứ hai. Ở các dân tộc man dã của những người săn bắt và hái lượm, mỗi cá nhân có thể làm việc ít nhiều đều được sử dụng vào lao động hữu ích, và cố gắng cung cấp những nhu yếu phẩm và tiện nghi trong cuộc sống cho chính mình, hoặc cho những thành viên quá già, quá nhỏ hoặc quá yếu nên không thể săn bắt, hái lượm được trong gia đình hay bộ tộc. Tuy nhiên, các xã hội như vậy rơi vào tình cảnh nghèo khổ cùng cực đến mức thường phải, hoặc nghĩ rằng mình phải bỏ mặc người già, trẻ nhỏ và người ốm đau chết đói hay thậm chí làm môi cho thú dữ, hoặc phải tự tay giết họ. Ngược lại, trong những quốc gia văn minh và phồn thịnh, có rất nhiều người

không hề lao động, nhưng lại tiêu thụ sản phẩm gấp mười, gấp trăm lần những người lao động; nhưng sản phẩm từ sức lao động của toàn xã hội lại lớn đến mức có thể cung cấp dồi dào cho tất cả mọi người, và một người lao động, ngay cả ở tầng lớp thấp nhất và nghèo nhất, nếu chịu khó và cần kiệm, vẫn có thể được hưởng nhiều nhu yếu phẩm và tiện nghi cuộc sống hơn bất kỳ người nào trong một xã hội man dã.

Nguyên nhân của sự vượt trội này, trong năng suất lao động và phương thức phân phối sản phẩm tự nhiên giữa các tầng lớp xã hội khác nhau, cũng như giữa những người có điều kiện khác nhau là chủ đề của Quyển I.

Dù kỹ năng, sự khéo léo và óc đánh giá trong lao động được áp dụng trong một quốc gia như thế nào, thì sự dồi dào hay khan hiếm của nguồn cung hàng năm vẫn phải phụ thuộc vào tỉ lệ giữa số lượng người mỗi năm được sử dụng trong lao động hữu ích với những người phi sản xuất. Từ đó, có vẻ như số lượng người lao động hữu ích và hiệu quả ở bất cứ đâu đều tương ứng với số lượng vốn được sử dụng trong sản xuất và theo cách thức cụ thể mà vốn đó được sử dụng. Do đó, Quyển II bàn về bản chất của vốn, về cách thức mà vốn được tích lũy dần dần, và về lượng sức lao động mà nguồn vốn đưa vào hoạt động, dựa theo những cách khác nhau mà nó được sử dụng.

Các quốc gia tương đối tiến bộ về năng lực, sự khéo léo và óc đánh giá trong việc áp dụng lao động đã tuân theo các kế hoạch rất khác nhau trong việc quản lý hoặc định hướng lao động chung; những kế hoạch đó không phải lúc nào cũng mang lại thành công như nhau về sản lượng. Chính sách của một số quốc gia đã tạo ra sự khếch lệ đặc biệt cho các ngành ở nông thôn; chính sách của một số khác lại tạo động lực đối với các ngành ở thành thị. Hiếm có quốc gia nào có chính sách đồng đều đối với tất cả các loại ngành nghề. Kể từ khi đế quốc La Mã sụp đổ, chính sách của châu Âu đã tạo điều kiện thuận lợi hơn cho kỹ nghệ, sản xuất và thương mại, là các ngành của thành thị, so với nông nghiệp – ngành của vùng nông thôn. Những hoàn cảnh và sự kiện dẫn tới việc thiết lập các chính sách này sẽ được giải thích trong Quyển III.

Tuy những kế hoạch khác nhau đó có lẽ ban đầu được đưa ra dựa trên lợi ích và định kiến của một số nhóm người cụ thể mà không cần nhắc hoặc nhìn thấy trước hậu quả của chúng đối với phúc lợi chung của xã hội, nhưng chúng đã đặt nền móng cho các lý thuyết khác nhau trong kinh tế chính trị học; trong đó, một số đề cao tầm quan trọng của hoạt động kinh tế ở thành thị, số khác lại đề cao hoạt động kinh tế ở nông thôn. Những lý thuyết đó đã ảnh hưởng rất lớn không chỉ đến ý kiến của những người có học vấn, mà đến cả phương thức điều hành đất nước của các quân vương và nhà nước cầm quyền. Trong Quyển IV, tôi cố gắng giải thích một cách đầy đủ và rõ ràng nhất có thể về những lý thuyết khác nhau đó và những tác động chính của chúng tới các quốc gia và các thời đại khác nhau.

Giải thích nguồn gốc tạo ra thu nhập cho đa phần dân cư, hay bản chất của nguồn quỹ đảm bảo cho tiêu dùng hàng năm của các quốc gia khác nhau và các thời đại khác nhau là mục tiêu của bốn quyển đầu. Quyển V (quyển cuối cùng) đề cập đến thu nhập của nhà cầm quyền hay nhà nướcⁱ. Trong quyển này, tôi đã cố gắng trình bày trước hết là những chi tiêu cần thiết cho nhà cầm quyền hoặc nhà nước – khoản chi nào trong số đó là do toàn xã hội gánh chịu, phần chi nào chỉ do một bộ phận hoặc của một số thành viên đặc thù trong xã hội đóng góp; thứ hai là những phương pháp khác nhau mà toàn xã hội có thể được yêu cầu đóng góp để trang trải các chi phí thuộc về toàn xã hội, cùng những ưu điểm và nhược điểm chính của mỗi phương pháp đó; và thứ ba là những nguyên nhân đã khiến hầu hết các chính phủ hiện đại phải thế chấp một phần thu nhập này, hoặc phải vay nợ, và tác động của những món nợ đối với của cải thực sự, sản lượng từ đất đai và sức lao động hàng năm của xã hội.

i. “Sovereign” là nhà cầm quyền tối cao, từ nay xin viết ngắn gọn là “nhà cầm quyền”; “commonwealth” là nhà nước thịnh vượng chung, xin viết ngắn gọn là “nhà nước”. (BT)